

ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH
KẾT QUẢ HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

Sau 6 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã hoàn thành nội dung chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phát huy dân chủ, trí tuệ, thẳng thắn thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào các báo cáo. Bộ Chính trị đã họp, thảo luận để tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất cao thông qua những nội dung cơ bản các văn kiện của Hội nghị Trung ương.

Sau đây là Thông báo nhanh về kết quả Hội nghị.

I- TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6 KHOÁ XI VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, thảo luận Tờ trình và Đề án của Bộ Chính trị; thống nhất ban hành Nghị quyết với tên gọi: *"Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao"* với những nội dung cơ bản như sau:

1. Tình hình và nguyên nhân

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất đánh giá, sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, chính sách, pháp luật về đất đai đã có nhiều đổi mới, từng bước tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý và sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả hơn; tạo ra những động lực mạnh mẽ cho phát triển đô thị, tăng đáng kể nguồn thu cho ngân sách, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được thực hiện theo hướng tiếp cận tổng hợp, liên ngành và trở thành công cụ quan trọng để Nhà nước thống nhất quản lý, phân bổ và sử dụng đất đai. Chính sách giao đất, cho thuê đất từng bước đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; góp phần giải quyết các vấn đề xã hội; đời sống và sinh kế của người có đất bị thu hồi được bảo đảm tốt hơn. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất được bảo đảm và phát huy, nhất là trong sử dụng đất nông nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng đất còn nhiều hạn chế. Một số nội dung của Nghị quyết chưa được thể chế hoá hoặc thể chế hoá chưa đầy đủ; Luật

Đất đai và một số luật có liên quan còn có sự chồng chéo, chưa thống nhất. Hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có sử dụng đất chưa bảo đảm tính tổng thể, hệ thống và đồng bộ. Công tác giao đất, cho thuê đất ở một số nơi còn nhiều bất cập, sai phạm. Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ở một số địa phương còn chậm, chưa đúng Nghị quyết và với các quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi, đời sống và sinh kế của người có đất bị thu hồi, gây thất thoát ngân sách nhà nước. Cải cách hành chính về đất đai còn chậm và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về đất đai chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, thiếu ổn định và chưa được đầu tư tăng cường; năng lực quản lý nhà nước về đất đai chưa đáp ứng được yêu cầu. Tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai còn diễn biến phức tạp, đơn, thư tố cáo về đất đai có xu hướng tăng; nhiều vụ việc chậm được xử lý, giải quyết, gây bức xúc xã hội.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định, những hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, trong đó do chưa có sự thống nhất cao về nhận thức đối với một số vấn đề liên quan đến quản lý và sử dụng đất; nhận thức về chính sách, pháp luật về đất đai có nơi, có lúc chưa đúng, chưa đầy đủ. Ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế. Việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai còn chậm, chưa đầy đủ, chưa nghiêm, còn có sai phạm. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, dứt điểm và chưa đúng pháp luật.

2. Quan điểm

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất các quan điểm sau:

- Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu thông qua việc quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng và quy định thời hạn sử dụng đất; quyết định giá đất; quyết định chính sách điều tiết phân giá trị tăng thêm từ đất không phải do người sử dụng đất tạo ra. Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các dự án phát triển kinh tế - xã hội theo luật định, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và có trách nhiệm giải trình. Quản lý và sử dụng đất phải bảo đảm lợi ích chung của toàn dân; nhân dân được tạo điều kiện tiếp cận, sử dụng đất công bằng, hiệu quả và bền vững.

Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo lãnh thổ quốc gia, cả về diện tích, chất lượng, giá trị kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường; phân công hợp lý giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương, đồng thời có sự phân cấp phù hợp, hiệu quả đối với địa phương.

- Quyền sử dụng đất là một loại tài sản và hàng hoá đặc biệt nhưng không phải là quyền sở hữu; quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được pháp luật bảo hộ. Người sử dụng đất có quyền và nghĩa vụ sử dụng đất theo quy định của

pháp luật. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; không đặt vấn đề điều chỉnh lại đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, cá nhân; có chính sách để đất nông nghiệp được sử dụng với hiệu quả cao nhất.

- Thể chế, chính sách về đất đai phải được hoàn thiện đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; có chính sách phù hợp với đối tượng, loại hình sử dụng đất để khơi dậy tiềm năng, phát huy cao nhất nguồn lực đất đai; khắc phục tình trạng sử dụng đất đai lãng phí, tham nhũng, khiếu kiện và đầu cơ đất đai.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai. Hiện đại hoá công tác quản lý đất đai, dịch vụ công về đất đai. củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý đất đai tập trung, đồng bộ, thống nhất. Nâng cao vai trò và năng lực các cơ quan tư pháp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai. Đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hoá, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế; được quy hoạch sử dụng hợp lý với tầm nhìn dài hạn, hài hoà lợi ích giữa các thể hệ, các vùng, miền, giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Giải quyết tốt những bất cập, vướng mắc trong quản lý và sử dụng đất do lịch sử để lại và từ yêu cầu mới của thực tiễn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn dân trong xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai.

3. Mục tiêu

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định mục tiêu tổng quát là: Hoàn thiện thể chế, chính sách về quản lý và sử dụng đất phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất đai được huy động, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; được quản lý với hiệu lực, hiệu quả cao; thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, trở thành kênh phân bổ đất đai hợp lý, công bằng, hiệu quả; nguồn lực đất đai được vốn hoá, khai thác, phát huy cao nhất; đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực để nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 là: (1) Ưu tiên thời gian, nguồn lực để sớm hoàn thành sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 vào năm 2023 và một số luật liên quan để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất. (2) Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông. (3) Hoàn thành việc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất; có sự phân cấp phù hợp, hiệu quả kèm theo cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. (4) Giải quyết cơ bản những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến quản lý và sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất và xây

dụng kinh tế; đất của các cơ sở sản xuất, đơn vị sự nghiệp tập trung đông người đã di dời ra khỏi trung tâm các đô thị lớn; đất tôn giáo; đất kết hợp sử dụng nhiều mục đích; đất sản xuất, đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Mục tiêu đến năm 2030: (1) Hệ thống pháp luật về đất đai được hoàn thiện đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. (2) Khắc phục cơ bản tình trạng sử dụng đất lãng phí, để đất hoang hoá, ô nhiễm, suy thoái.

4. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

4.1. Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức về quản lý và sử dụng đất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Thống nhất nhận thức về đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, nhất là về quyền và nghĩa vụ của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được trao quyền sử dụng đất. Đất đai là nguồn lực to lớn cần được phát huy, đồng thời cần được quản lý và sử dụng có hiệu quả, bảo đảm công bằng xã hội; được bảo vệ, không để bị suy thoái, huỷ hoại, lãng phí, tham nhũng.

4.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ trọng tâm là sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các luật khác có liên quan, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Cụ thể:

- *Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.* Quy hoạch sử dụng đất được lập ở cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhà nước bảo đảm đủ kinh phí cho việc lập quy hoạch sử dụng đất.

- *Hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.* Chủ yếu thực hiện việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Quy định cụ thể về các trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất, các trường hợp đấu thầu dự án có sử dụng đất, hạn chế và quy định chặt chẽ việc giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất; bảo đảm công khai, minh bạch. Có cơ chế đồng bộ, cụ thể để xử lý trường hợp vi phạm quy định về giao đất, cho thuê đất, nhất là liên quan tới đấu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên; đất tại các doanh nghiệp nhà nước

thoái vốn, cổ phần hoá các loại đất được sử dụng đa mục đích; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- *Hoàn thiện các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.* Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải bảo đảm công khai, minh bạch, hài hoà lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc thu hồi đất phải tuân thủ Hiến pháp và quy định của Luật Đất đai nhưng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, cần có quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhằm tránh tình trạng khi thu hồi đất xong thì người dân không có chỗ ở, bảo đảm cuộc sống của người dân có đất bị thu hồi phải bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

- *Hoàn thiện cơ chế xác định giá đất.* Bỏ khung giá đất; có cơ chế, phương pháp xác định giá đất, cơ quan chịu trách nhiệm xác định, quyết định giá đất, giám sát, kiểm tra..., có cơ chế hữu hiệu để nâng cao chất lượng công tác định giá đất, tính độc lập của hội đồng thẩm định giá đất, năng lực của tổ chức tư vấn xác định giá đất, năng lực và đạo đức của các định giá viên; bổ sung các quy định bảo đảm công khai, minh bạch.

- *Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính về đất đai.* Chính sách tài chính về đất đai phải bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư. Thực hiện chính sách ưu đãi thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư; đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình người có công với cách mạng. Cơ chế Nhà nước thu và điều tiết chung nguồn thu từ đất của các địa phương. Đồng thời, cần nghiên cứu có chính sách điều tiết chênh lệch địa tô, bảo đảm công khai, minh bạch.

Về cơ bản thực hiện theo hình thức cho thuê đất trả tiền hàng năm, trừ trường hợp đặc biệt sẽ được trả tiền thuê đất một lần theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với tình hình, tính chất, mục đích sử dụng đất, bảo đảm nguồn thu ổn định, tránh thất thoát cho ngân sách nhà nước.

- *Hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất.* Đẩy mạnh thương mại hoá quyền sử dụng đất. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường bất động sản gắn với thông tin đất đai; có chính sách khuyến khích phát triển thị trường quyền sử dụng đất, nhất là thị trường cho thuê đất nông nghiệp. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và tăng cường thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch bất động sản. Có cơ chế bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh; kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

- *Hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất nông nghiệp.* Tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất nông nghiệp được chuyển đổi mục đích sản xuất cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo quy hoạch. Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tăng cường quản lý chất

lượng đất, khắc phục tình trạng thoái hoá, suy giảm chất lượng đất. Ưu tiên giao đất đối với đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất.

- *Xây dựng các quy định pháp luật đối với quản lý và sử dụng đất kết hợp đa mục đích.* Bổ sung, hoàn thiện các quy định đối với quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh trên cơ sở tổng kết việc thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất và xây dựng kinh tế. Bổ sung các quy định về đất ở kết hợp với thương mại, dịch vụ; đất nông nghiệp kết hợp với thương mại, dịch vụ; đất cho dự án du lịch có yếu tố tâm linh và một số loại đất khác.

4.3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai

Kiện toàn, hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý đất đai ở Trung ương và địa phương bảo đảm tinh gọn, ổn định, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý đất đai. Hoàn thiện phân quyền, phân cấp trong việc thực hiện đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý theo hướng nâng cao trách nhiệm của địa phương và có sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của Trung ương; giám đầu mối, giám trung gian, gắn với cải cách hành chính, giảm phiền hà, tiêu cực.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia về đất đai được bố trí nguồn lực hợp lý để xây dựng, hoàn thiện đúng tiến độ; bảo đảm quản lý, vận hành tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Tập trung nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá tài nguyên đất; thống kê, kiểm kê đất đai; giám sát sử dụng đất; bảo vệ, cải tạo và phục hồi chất lượng đất nhằm quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng đất phục vụ cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và làm cơ sở cho việc sử dụng đất bền vững.

4.4. Đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo liên quan đến đất đai; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống tham nhũng

Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra, giám sát, kiểm soát của Nhà nước trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện thể chế, chính sách về đất đai; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý và sử dụng đất. Tăng cường kiểm soát quyền lực, thường xuyên kiểm tra, giám sát, thanh tra tình hình quản lý, sử dụng đất đai và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai. Tiến hành kiểm tra, thanh tra trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của các ngành, các cấp, thực hiện phương châm giải quyết các tranh chấp từ cơ sở, tránh vượt cấp lên Trung ương.

4.5. Tập trung giải quyết về cơ bản các tồn tại, vướng mắc kéo dài liên quan đến quản lý và sử dụng đất

Tập trung nguồn lực đầu tư, chỉ đạo quyết liệt và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương trong xử lý những tồn tại, vướng mắc về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; đất

của các cơ sở sản xuất, đơn vị sự nghiệp tập trung đông người đã di dời ra khỏi trung tâm các đô thị lớn; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi sắp xếp lại trụ sở, cơ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước để chuyển sang mục đích phát triển kinh tế; các loại đất được sử dụng đa mục đích; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý và sử dụng đất

Đẩy mạnh và đổi mới hình thức, nội dung công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về đất đai cho mọi cán bộ, đảng viên, người dân, doanh nghiệp, nhất là đối với các vùng, địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về đất đai và phải chịu trách nhiệm nếu để các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi mình quản lý vi phạm pháp luật để trục lợi, gây thất thoát, sử dụng lãng phí đất đai.

Tăng cường vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân, phát hiện và phản ánh kịp thời những vướng mắc, bất cập, sai phạm trong thi hành pháp luật về đất đai để lãnh đạo, chỉ đạo xử lý kịp thời, hiệu quả.

II- TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 7 KHOÁ X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, thảo luận về Tờ trình, Báo cáo tổng kết của Bộ Chính trị; thống nhất ban hành Nghị quyết về *nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, với những nội dung cơ bản sau:

1. Tình hình và nguyên nhân

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất đánh giá, sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, toàn diện. Nông nghiệp tiếp tục phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao và tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Sản xuất kinh doanh nông nghiệp chuyển mạnh theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Nông dân đã phát huy tốt hơn vai trò chủ thể, tích cực trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ứng dụng khoa học - công nghệ, tham gia hợp tác, liên kết, khôi phục và phát triển ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Thu nhập của nông dân ngày càng tăng, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng được cải thiện; niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước ngày

càng được nâng cao. Nông thôn có sự thay đổi rõ rệt; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào sâu rộng, có sức lan toả mạnh mẽ, nhận được sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị từ Trung ương tới cơ sở, của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp, đã về đích sớm hơn 1,5 năm so với mục tiêu đề ra.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm, tổ chức sản xuất chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết trong sản xuất kinh doanh, kinh tế tập thể, hợp tác xã chậm phát triển. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực chưa trở thành động lực chính để tạo đột phá phát triển. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn chưa đạt yêu cầu. Thu nhập của phần lớn nông dân còn thấp, chênh lệch với thành thị và giữa các vùng, miền còn lớn; tỉ lệ hộ nghèo ở nông thôn còn cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều, nhiều nơi chưa chú trọng đúng mức tới phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người dân, xây dựng đời sống văn hoá, bảo vệ môi trường.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định, những hạn chế, yếu kém nói trên chủ yếu là do nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa thật đầy đủ, đúng mức, có lúc, có nơi còn thiếu chủ động, chưa sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết; sự phối hợp giữa các cấp uỷ, chính quyền, bộ, ngành, cơ quan liên quan còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, hệ thống dịch vụ công chưa theo kịp yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn. Một số cơ chế, chính sách thiếu nguồn lực thực hiện, chưa sát thực tiễn, chậm được sửa đổi, bổ sung. Đầu tư từ ngân sách nhà nước chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra, thu hút đầu tư từ xã hội còn thấp.

2. Quan điểm

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất các quan điểm:

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhà nước tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Phát triển hài hoà giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền; gắn kết chặt chẽ giữa công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng "*nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*".

- Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển. Nâng cao trình độ, năng lực làm chủ của nông dân theo hướng phát triển toàn diện, văn

minh, có tinh thần yêu nước, đoàn kết, tự chủ, sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước; có trình độ tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường, được thụ hưởng thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và tiếp cận các dịch vụ tiệm cận với đô thị. Phát triển nông nghiệp, nông thôn phải hướng tới nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn, lấy lợi ích của người dân là mục tiêu cao nhất.

- Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm, tích hợp đa giá trị theo hướng sinh thái, khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Phát huy lợi thế vùng, miền, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển mạnh từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp, sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, phát triển cả thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước.

- Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với đô thị; đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc; môi trường xanh, sạch, đẹp; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần chú trọng phát triển đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân và người dân nông thôn. Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững các hệ sinh thái. Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng chống chịu, bảo đảm an toàn cho người dân.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống nông dân và người dân nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện và vận động hội viên, người dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

3. Mục tiêu

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là: Nông dân và người dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển hiện đại, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Nông thôn phát triển toàn diện, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã

hội đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống tốt đẹp; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là: Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp bình quân khoảng 3%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5 - 6%/năm. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn bình quân trên 10%/năm. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%, trong đó, 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên 70%, trong đó 35% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 80%. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 60%. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

Tầm nhìn đến năm 2045 là: Nông dân và người dân nông thôn văn minh phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, thông minh, sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, quy mô xuất khẩu nông sản đứng hàng đầu thế giới. Nông thôn hiện đại, điều kiện sống tiệm cận với đô thị, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

4. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

4.1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn

Đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực làm chủ của nông dân và người dân nông thôn là nhiệm vụ ưu tiên, xuyên suốt trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức, nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là cho lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng lao động trong khu vực công nghiệp, dịch vụ, giảm lao động nông nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập. Hoàn thiện các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở, sớm ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Đẩy mạnh các phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi để nông dân và người dân nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ kỹ thuật; nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi từ

sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

4.2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, địa phương; phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá chất lượng cao. Sản xuất nông nghiệp dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá các khâu sản xuất; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp. Đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới mạnh mẽ, tạo đột phá trong tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp, thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững. Mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản đồng thời chú trọng phát triển thị trường trong nước, tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường.

Về trồng trọt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn. Về chăn nuôi, phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường. Về thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản cả trên biển và nội địa theo hướng công nghiệp, sinh thái; nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. Về lâm nghiệp, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái.

4.3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển công nghiệp, dịch vụ. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh của nông dân và người dân nông thôn. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn trong sản xuất nông nghiệp, chế biến, thương mại; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, từng bước giảm tình trạng di cư

lao động nông thôn ra thành thị. Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Thực hiện hiệu quả chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống.

4.4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Có chính sách phù hợp đối với xây dựng nông thôn mới ở từng vùng ven đô thị, đồng bằng, miền núi, biên giới, hải đảo. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, nhất là các khu vực ven đô thị lớn, thị trấn, thị tứ, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội khu vực biên giới, biển đảo.

4.5. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai theo hướng quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp; thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp; khắc phục tình trạng bỏ hoang, sử dụng kém hiệu quả, làm thoái hoá đất; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất thu hồi theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật. Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020. Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. Xây dựng chính sách đủ mạnh để khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

4.6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp, trong đó khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu lớn; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo để khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực chính phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Hỗ trợ thành lập các vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy các mô hình liên kết giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã

và nông dân. Đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề trong nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ mới. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, nông dân, nông thôn liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành.

4.7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển kinh tế nông thôn. Bảo đảm an ninh, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững nguồn nước. Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường.

4.8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và khoa học - công nghệ

Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản. Khai thác hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA), giữ ổn định các thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch. Làm tốt công tác truyền thông, kịp thời cung cấp thông tin về các cam kết quốc tế và sự thay đổi chính sách của các thị trường nhập khẩu. Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Chủ động phòng, chống gian lận thương mại; có các biện pháp phòng vệ phù hợp với cam kết quốc tế và kịp thời xử lý tranh chấp thương mại phát sinh.

4.9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp ở nông thôn

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phát huy vai trò, sự vào cuộc tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

III- TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 5 KHOÁ IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, thảo luận về Tờ trình và Đề án của Bộ Chính trị; thống nhất ban hành *Nghị quyết về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới*, với những nội dung cơ bản sau:

1. Tình hình và nguyên nhân

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất đánh giá: Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khu vực kinh tế tập thể có những chuyển biến tích cực. Hợp tác xã đã cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Số lượng liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã thành lập mới tăng; phát triển đa dạng hơn về ngành nghề, quy mô và trình độ, hỗ trợ tốt hơn cho kinh tế thành viên, tạo việc làm và thu nhập thường xuyên cho người lao động. Tổ hợp tác với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, nội dung hoạt động đơn giản nhưng thiết thực, đáp ứng được nhu cầu liên kết linh hoạt và mang tính ngắn hạn của người dân. Liên kết giữa các hợp tác xã với nhau và với các tổ chức kinh tế khác bước đầu có sự phát triển. Khu vực kinh tế tập thể cơ bản đã khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng trong nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, khu vực kinh tế tập thể vẫn chưa phát triển như yêu cầu đặt ra; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả còn nhiều khó khăn. Tốc độ tăng trưởng, tỉ trọng đóng góp vào GDP cả nước của khu vực kinh tế tập thể trong nền kinh tế còn thấp và có xu hướng giảm dần. Hợp tác xã phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên bình quân trong hợp tác xã có xu hướng giảm; việc tham gia vào hoạt động của hợp tác xã còn hình thức; năng lực nội tại, hiệu quả hoạt động chưa cao, mô hình tổ chức còn lỏng lẻo, chưa phù hợp. Phần lớn tổ hợp tác, hợp tác xã có quy mô nhỏ, vốn ít, phạm vi hoạt động hẹp, lợi ích mang lại cho thành viên thấp.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên là do, nhận thức về bản chất, vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa đầy đủ, thiếu thống nhất. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền còn hình thức, chưa thực sự quan tâm, thậm chí còn hoài nghi về sự thành công của kinh tế tập thể. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho kinh tế tập thể dàn trải, phân tán, chủ yếu là lồng ghép, chưa thống nhất, thiếu nguồn lực để tổ chức thực hiện. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể còn nhiều bất cập, không thống nhất, phân tán, chưa hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước ở một số nơi còn buông lỏng hoặc can thiệp quá sâu, không đúng đối với tổ chức, hoạt động của hợp tác xã. Đội ngũ cán bộ về hợp tác xã còn yếu, chưa được đào tạo chuyên sâu về kinh tế tập thể.

2. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu

2.1. Quan điểm chỉ đạo

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định:

- Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển, là thành phần kinh tế quan trọng cùng kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tập thể là xu thế tất yếu khách quan trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phải xuất phát từ nhu cầu của thành viên, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện cho thành viên tăng năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Phát triển kinh tế tập thể phải tôn trọng giá trị, nguyên tắc hoạt động của hợp tác xã, phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng vùng và của cả nước.

- Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao (tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên đoàn hợp tác xã) trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các liên hiệp, liên đoàn hợp tác xã, không giới hạn về quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế là chính, bao gồm lợi ích của thành viên và lợi ích tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội trên địa bàn.

- Kinh tế tập thể phát triển dựa trên sở hữu riêng của thành viên và sở hữu chung của tổ chức; tổ chức hoạt động theo nguyên tắc đối nhân không phụ thuộc vào vốn góp; phân phối theo mức độ tham gia dịch vụ, theo lao động và theo vốn góp. Thành viên kinh tế tập thể bao gồm các cá nhân và pháp nhân, thành viên chính thức và thành viên liên kết, cả người ít vốn và nhiều vốn, cùng góp vốn, góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi và quản lý dân chủ. Khuyến khích việc tích lũy và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản chung trong tổ chức kinh tế hợp tác.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế tập thể cả về số lượng và chất lượng, trong đó chú trọng về chất lượng, bảo đảm sự hài hoà trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn của nền kinh tế, có chính sách ưu tiên các tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức. Đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể phải toàn diện cả kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, cả hiệu quả của tổ chức và của các thành viên.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh hợp tác xã và các tổ chức

đại diện phối hợp chặt chẽ trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia kinh tế tập thể.

2.2. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là nền tảng của nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và nhiều tổ chức tham gia; không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống thành viên, hộ gia đình, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước.

2.3. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên; xây dựng thí điểm một số liên đoàn hợp tác xã. Bảo đảm trên 80% tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị. Có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hoá gắn với liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi cung ứng đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

Tầm nhìn đến năm 2045: Thu hút tối thiểu 20% dân số tham gia các tổ chức kinh tế hợp tác. Mở rộng quy mô hoạt động của các tổ chức kinh tế hợp tác, bảo đảm chất lượng hoạt động ngang tầm phong trào hợp tác xã các nước trong khu vực và trên thế giới. Các hợp tác xã đều áp dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; bảo đảm trên 90% tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 75% tham gia các chuỗi liên kết. Đẩy mạnh phát triển mô hình liên đoàn hợp tác xã, mô hình doanh nghiệp trực thuộc các tổ chức kinh tế hợp tác. Có ít nhất 3 tổ chức kinh tế hợp tác nằm trong bảng xếp hạng 300 hợp tác xã lớn nhất toàn cầu do Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) công nhận.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Nhận thức đúng bản chất, vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nhận thức rõ phát triển kinh tế tập thể là yêu cầu và xu thế tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; là hình thức liên kết tự nguyện của các cá nhân, pháp nhân nhằm kết hợp sức mạnh tập thể với sức mạnh của từng thành viên để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bản chất, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đất nước, cụ thể như sau:

- Phát triển kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, là phương thức khắc phục những mặt trái của kinh tế thị trường, là nền tảng chính trị - kinh tế - xã hội của đất nước để đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Phát triển kinh tế tập thể ở nước ta không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế, mà còn mục tiêu xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh. Kinh tế tập thể là cơ sở để đưa "hợp tác" trở thành văn hoá, bản sắc trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Kinh tế tập thể ở nước ta phát triển nhiều cấp độ, dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, nhu cầu và nguyện vọng của thành viên, phù hợp với yêu cầu điều kiện của từng ngành, lĩnh vực, từng địa bàn khác nhau...

- Tổ chức kinh tế hợp tác là hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc thành phần kinh tế tập thể, là tổ chức kinh tế của những cá nhân, pháp nhân có nhu cầu, tự nguyện lập ra và tự chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình theo quy định của pháp luật; hoạt động bình đẳng với các tổ chức kinh tế khác. Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác mà chỉ quản lý thông qua pháp luật và chính sách.

- Hiệu quả của tổ chức kinh tế hợp tác được đánh giá chủ yếu dựa trên số lượng thành viên tham gia và lợi ích tổ chức mang lại cho thành viên, mang lại cho cộng đồng xã hội. Đóng góp về mặt kinh tế của kinh tế tập thể trong nền kinh tế quốc dân bao gồm đóng góp của các tổ chức kinh tế hợp tác và đóng góp của các thành viên trong tổ chức kinh tế hợp tác. Đóng góp về mặt xã hội của kinh tế tập thể thể hiện ở số lượng thành viên; số lượng việc làm; thu nhập bình quân của thành viên, lao động trong tổ chức...

3.2. Bổ sung, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, các tổ chức kinh tế hợp tác

- Sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về kinh tế tập thể theo hướng: Hoàn thiện quy định về các loại hình tổ chức kinh tế hợp tác, tổ chức đại diện; quy định về bản chất hợp tác xã, phát triển thành viên; quy định về nâng cao khả năng huy động vốn, tăng tích lũy vốn và tài sản chung; quy định về phát triển doanh nghiệp trong hợp tác xã; bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý về kiểm toán, các quy định nhằm nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành; các quy định nâng cao hiệu quả, chất lượng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, quản lý nhà

nước đối với kinh tế tập thể; có chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng công nghệ, tiếp cận kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, nông nghiệp hữu cơ thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể phát triển, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo hướng coi các tổ chức kinh tế hợp tác là chủ thể phù hợp kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công - quản trị cộng đồng). Nhà nước có chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể và bố trí nguồn lực tập trung, tương xứng, phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ của đất nước và trình độ phát triển của kinh tế tập thể.

Để các tổ chức kinh tế hợp tác tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ tốt hơn cho cộng đồng thành viên, Nhà nước có một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho kinh tế hợp tác đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính bình đẳng trong phát triển với các loại hình kinh tế khác, trong đó tập trung: (1) Chính sách phát triển nguồn nhân lực. (2) Chính sách đất đai. (3) Chính sách tài chính. (4) Chính sách tín dụng. (5) Chính sách khoa học - công nghệ. (6) Chính sách hỗ trợ về thông tin kinh tế, kỹ năng tiếp thị và nghiên cứu thị trường. (7) Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. (8) Chính sách bảo hiểm xã hội.

3.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế hợp tác

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng của kinh tế tập thể; các quan hệ về tài sản của hợp tác xã, đặc biệt là những tài sản liên quan đến đất đai. Tiếp tục cơ cấu lại các hợp tác xã tín dụng, nhất là xử lý một số hợp tác xã tín dụng yếu kém.

- Phát huy tinh thần dân chủ, tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thành viên; kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần, khơi dậy phong trào tham gia kinh tế hợp tác. Khuyến khích mở rộng, đa dạng hoá các loại thành viên. Thành viên tham gia vẫn là những chủ thể kinh tế tự chủ, được hưởng đầy đủ quyền lợi và chịu trách nhiệm đối với phần đóng góp của mình theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức. Một cá nhân, pháp nhân có thể là thành viên của nhiều tổ chức kinh tế hợp tác (nếu điều lệ tổ chức không quy định khác) và có quyền rút khỏi tổ chức kinh tế hợp tác.

- Khuyến khích việc tăng vốn góp và vốn huy động từ thành viên, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia của tổ chức kinh tế hợp tác; thực hiện hoạt động tín dụng nội bộ, thành lập doanh nghiệp tại những tổ chức kinh tế hợp tác có đủ điều kiện; nghiên cứu uỷ thác một số dịch vụ công cho các tổ chức kinh tế hợp tác; khuyến khích liên kết kinh tế giữa các tổ chức

kinh tế hợp tác hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực, từng bước hình thành các liên đoàn hợp tác xã hoạt động chuyên môn hoá cao trong một ngành, lĩnh vực cụ thể.

- Tăng cường mối liên kết giữa tổ chức kinh tế hợp tác với các thành phần kinh tế khác trong đó đặc biệt là liên kết với kinh tế nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước ưu tiên hỗ trợ liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động có hiệu quả; sớm khắc phục tình trạng cắt rời kinh tế nhà nước với kinh tế tập thể. Ưu tiên các tổ chức kinh tế hợp tác tham gia mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khi cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước. Ưu tiên chuyển giao doanh nghiệp nhà nước cho tập thể người lao động theo hình thức kinh tế hợp tác.

3.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với kinh tế tập thể

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể trong phạm vi cả nước trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến địa phương để huy động các nguồn lực và triển khai trực tiếp các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với kinh tế tập thể.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo chính quy về kinh tế tập thể, có tư tưởng chính trị vững vàng.

- Tăng cường tính minh bạch trong quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể, liên thông với hệ thống đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm giải trình, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế.

- Trong khi chờ sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về kinh tế tập thể, tiến hành thí điểm triển khai những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành.

3.5. Đổi mới nội dung, phương thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế tập thể

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần nắm chắc chủ trương và các quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể để phối

hợp tổ chức vận động và phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, góp phần đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

- Đối với các tổ chức kinh tế hợp tác có số lượng thành viên lớn, có các tổ chức đoàn thể trong tổ chức kinh tế hợp tác, cần xây dựng các tổ chức đoàn thể vững mạnh, sát cánh cùng hội đồng quản trị, ban giám đốc xây dựng tổ chức phát triển vững mạnh.

- Tăng cường hoạt động của hệ thống liên minh hợp tác xã và các tổ chức đại diện. Liên minh hợp tác xã là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức kinh tế hợp tác, giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, làm cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với thành phần kinh tế tập thể, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

IV- VỀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, thảo luận về Tờ trình và Đề án của Bộ Chính trị; thống nhất ban hành Nghị quyết về *tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới*, với những nội dung cơ bản sau:

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất khẳng định: Trong những năm qua, công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên luôn được Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Tổ chức cơ sở đảng từng bước được củng cố, kiện toàn, sắp xếp phù hợp; chức năng, nhiệm vụ được sửa đổi, bổ sung; tăng cường công tác lãnh đạo, cụ thể hoá, tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cấp uỷ viên, bí thư cấp uỷ cơ sở được quan tâm. Chất lượng đội ngũ đảng viên có chuyển biến tích cực, trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị được nâng cao hơn; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý, rà soát, sàng lọc, đánh giá, xếp loại chất lượng, kiểm tra, giám sát đảng viên thực hiện nhiệm vụ, xử lý đảng viên vi phạm, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" được đẩy mạnh; phần lớn đội ngũ đảng viên ở cơ sở nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tự phê bình và phê bình, tinh thần tiên phong, gương mẫu, xây dựng mối quan hệ với nhân dân, góp phần xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Công tác phát triển đảng viên được chú trọng, có cơ cấu độ tuổi tương đối phù hợp, số lượng đảng viên nữ, trẻ, đồng bào dân tộc thiểu số, người có tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân tăng, tạo nguồn cán bộ cho Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất cho rằng, bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức cơ sở

đảng còn hạn chế, ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Một số tổ chức cơ sở đảng chậm đổi mới phương thức lãnh đạo; thực hiện chưa nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; chất lượng sinh hoạt đảng, tinh thần tự phê bình và phê bình hạn chế; chưa giải quyết hiệu quả những khó khăn, bức xúc của nhân dân; chưa phân công thường xuyên và kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên. Một số cấp uỷ cơ sở chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu; chưa chủ động, kịp thời kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; mất sức chiến đấu, để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật, làm giảm niềm tin, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Chất lượng của tổ chức cơ sở đảng chưa theo kịp yêu cầu của quá trình phát triển. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong khu vực ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân còn hạn chế, tỉ lệ tổ chức đảng, đảng viên thấp, vai trò mờ nhạt, còn lúng túng về nội dung và phương thức hoạt động. Một số tổ chức cơ sở đảng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, ở ngoài nước... hoạt động còn khó khăn. Năng lực, trình độ của một bộ phận đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một bộ phận đảng viên phai nhạt lý tưởng, thiếu bản lĩnh chính trị, đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu; tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu giảm sút; chưa gương mẫu, chạy theo lối sống thực dụng; suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", vi phạm nguyên tắc, kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý, kiểm tra, giám sát đảng viên của một số tổ chức cơ sở đảng còn buông lỏng, chưa nắm chắc tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên; công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên ở một số nơi còn hình thức, chạy theo thành tích, một số tổ chức cơ sở đảng chưa làm tốt công tác quản lý đảng viên; việc xét, miễn công tác và sinh hoạt đảng còn lỏng lẻo; chưa thường xuyên, kiên quyết rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Công tác phát triển đảng viên ở một số nơi còn chạy theo số lượng; chưa quan tâm công tác giáo dục lý tưởng cách mạng và rèn luyện, thử thách đối với quần chúng phấn đấu vào Đảng; nhận thức, động cơ phấn đấu vào Đảng, chất lượng của một số đảng viên mới còn hạn chế; cơ cấu đảng viên chưa hợp lý, tỉ lệ đảng viên trẻ chưa tương xứng với tiềm năng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định, những hạn chế, khuyết điểm nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: Nhận thức của một số cấp uỷ, một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý về vai trò, vị trí, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên chưa sâu sắc, toàn diện; một số cấp uỷ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả chưa cao. Một số quy định, hướng dẫn về tổ chức cơ sở đảng, đảng viên chậm được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. Một số nơi chưa chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; chưa quan tâm rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức cho cán bộ, đảng viên; một bộ phận thanh niên giảm sút niềm tin, phai nhạt lý tưởng, sống thực dụng, xa rời truyền thống tốt đẹp của dân tộc, không muốn phấn đấu vào Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất, để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục hiệu quả những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, các cấp uỷ, tổ chức đảng cần tập trung quán triệt, thống nhất nhận thức và triển khai thực hiện tốt những vấn đề sau:

1. Quan điểm

- Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, có vị trí quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng. Đội ngũ đảng viên có vai trò trực tiếp và là nhân tố cơ bản quyết định năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, liên tục, là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, đảng viên, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng phải gắn với xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

- Tạo môi trường để đảng viên rèn luyện, phấn đấu, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần tiên phong, gương mẫu, thực hiện nghiêm các nguyên tắc về sinh hoạt đảng và lời thề của đảng viên khi vào Đảng; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Coi trọng chất lượng phát triển đảng viên, quan tâm phát triển đảng viên trong đoàn viên, hội viên ưu tú, quần chúng tiêu biểu. Thường xuyên rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

2. Mục tiêu: Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể như sau:

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng của đội ngũ đảng viên, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh. Xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên, nhất là bí thư cấp uỷ đủ năng lực, uy tín lãnh đạo tổ chức cơ sở đảng thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị. Nâng cao chất lượng phát triển đảng viên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025: (1) Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (2) Phần đầu đạt 95% bí thư, phó bí thư cấp uỷ cơ sở có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. (3) Phần đầu 90% các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên. (4) Phần đầu 100% thôn, bản có đảng viên. (5) Giai đoạn 2020 - 2025, phần đầu tỉ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3% - 4% tổng số đảng viên.

Đến năm 2030: (1) Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (2) Phần đầu 100% bí thư, phó bí thư cấp uỷ cơ sở có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. (3) Phần đầu 100% trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên. (4) Phần đầu 100% thôn, bản, tổ dân phố có chi bộ. (5) Giai đoạn 2025 - 2030, phần đầu tỉ lệ kết nạp đảng viên mới đạt từ 3% - 4% tổng số đảng viên.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả 4 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

3.1. Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

3.1.1. *Đổi mới, hoàn thiện tổ chức của các loại hình tổ chức cơ sở đảng*

- Củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện chủ trương của Đảng về công tác cán bộ. Đối với những nơi có tính đặc thù về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cần nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức cơ sở đảng vừa phù hợp với nguyên tắc chung, vừa phù hợp với thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Nghiên cứu triển khai mô hình "*chi bộ bốn tốt*", "*đảng bộ cơ sở bốn tốt*", cụ thể là: Lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị; chất lượng sinh hoạt tốt; đoàn kết, kỷ luật tốt; cán bộ, đảng viên tốt.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mô hình tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đảng uỷ xã, phường, thị trấn. Đối với thôn, tổ dân phố có đông đảng viên thành lập chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở và tổ chức thí điểm sinh hoạt tổ đảng, sinh hoạt chi bộ phù hợp với số lượng đảng viên. Tổng kết, đánh giá mô hình đảng bộ bộ phận để đề ra giải pháp phù hợp. Tiếp tục duy trì, củng cố, xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ quân sự, công an xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với quy định về tổ chức đảng trong quân đội, công an.

- Đổi mới mô hình tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng, nhất là ở cấp huyện. Sắp xếp mô hình tổ chức cơ sở đảng trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự

ng nghiệp theo ngành, lãnh thổ bảo đảm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, phát triển tổ chức cơ sở đảng trong khu vực ngoài nhà nước, nhất là trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, đơn vị sự nghiệp tư. Giao một số quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở có quy mô lớn, quan trọng, có số lượng đảng viên đông; nghiên cứu mô hình tổ chức cơ sở đảng ngoài nước phù hợp đối với những địa bàn có vị trí quan trọng, số lượng đảng viên đông, hoạt động trên phạm vi rộng, có tổng lãnh sự quán.

- Sắp xếp tổ chức cơ sở đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống; củng cố, phát triển tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá nhằm tăng cường vai trò hạt nhân chính trị của đảng bộ, chi bộ cơ sở. Đối với doanh nghiệp tư nhân, chỉ thành lập tổ chức đảng khi đã phát triển được đủ số lượng đảng viên, bảo đảm chất lượng, phát huy được vai trò lãnh đạo, định hướng hoạt động.

- Thành lập đảng bộ cơ sở tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp; phát triển tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để lãnh đạo công tác đảng, công tác quần chúng, phân công cấp uỷ cấp trên trực tiếp phụ trách. Thực hiện giao một số quyền cấp trên cơ sở cho đảng uỷ cơ sở đối với những nơi có đảng bộ cơ sở trong đảng bộ cơ sở. Đối với những đảng uỷ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở có đủ điều kiện thì nâng cấp thành cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (tương đương cấp huyện).

- Tổng kết mô hình tổ chức cơ sở đảng trong các loại hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế trang trại..., tạo điều kiện cho đảng viên làm việc trong loại hình này có nơi sinh hoạt đảng ổn định, góp phần phát triển kinh tế, tham gia xây dựng tổ chức đảng.

3.1.2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng

- Khẩn trương nghiên cứu, quán triệt, cụ thể hoá, triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định mới của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của một số mô hình tổ chức cơ sở đảng trong đơn vị sự nghiệp Trung ương; đảng bộ, chi bộ cơ sở hoạt động ở nước ngoài; đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống; đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước; tổ chức cơ sở đảng trong tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn của cấp trên, đảng uỷ, chi bộ cơ sở xây dựng quy chế cụ thể để thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng và quy chế làm việc của cấp uỷ cơ sở, bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu, nhiệm vụ mới, trong đó, chú trọng các tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn; đảng bộ, chi bộ cơ sở ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ quan báo

chí, hội quần chúng, trường học, bệnh viện ngoài công lập, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp trong nước hoạt động ở nước ngoài, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác... Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số tổ chức cơ sở đảng trong Quân đội, Công an.

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa tổ chức cơ sở đảng trong các tập đoàn, tổng công ty với cấp uỷ địa phương, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của cấp uỷ tập đoàn, tổng công ty, gắn với sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ địa phương. Nghiên cứu xây dựng quy chế phối hợp giữa cấp uỷ với chủ doanh nghiệp tư nhân, nhằm phát huy vai trò của tổ chức đảng.

- Ban hành quy chế làm việc mẫu của cấp uỷ cơ sở, làm căn cứ để mỗi cấp uỷ, chi bộ xây dựng quy chế làm việc, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn ở cơ sở.

3.1.3. Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ

- Đổi mới nội dung, phương thức, phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc, nâng cao năng lực của cấp uỷ, bí thư cấp uỷ ở cơ sở, bảo đảm vai trò hạt nhân và sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết trong Đảng. Nâng cao chất lượng cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết của cấp trên, phù hợp với thực tiễn, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp phải nắm chắc tình hình, phân công cấp uỷ viên phụ trách, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở đảng. Lấy hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp uỷ cấp trên trực tiếp và cấp uỷ viên được phân công phụ trách.

- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, khắc phục tình trạng hình thức, chạy theo thành tích trong công tác đánh giá, xếp loại hàng năm. Tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia góp ý, giám sát hoạt động của chi bộ, cấp uỷ, bí thư cấp uỷ cơ sở và đảng viên. Cấp uỷ, bí thư cấp uỷ phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, thông báo công khai theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức cơ sở đảng, đảng viên về vai trò, vị trí, tầm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo quy định của Ban Bí thư, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nội dung sinh hoạt chi bộ phải gắn với đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, XII, Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo

đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; kịp thời phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ngay từ cơ sở.

- Thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt chi bộ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đoàn kết nội bộ; nâng cao chất lượng, mở rộng dân chủ trong sinh hoạt đảng theo hướng thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm; kịp thời thông tin, phổ biến, quán triệt chủ trương, nghị quyết, lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ cấp trên, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình thời sự trong và ngoài nước; lắng nghe và giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đảng viên và nhân dân. Chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng; phát hiện, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng những tấm gương đảng viên tiêu biểu; đồng thời, phê bình, xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Cấp uỷ cấp trên tăng cường hướng dẫn những nội dung mới, cần thiết cho tổ chức cơ sở đảng và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sinh hoạt chi bộ.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên đề, hướng vào những vấn đề mới, cần quan tâm. Có giải pháp sinh hoạt đảng phù hợp đối với tổ chức đảng ở những địa bàn có nhiều đảng viên từ nơi khác đến, có nhiều khu công nghiệp, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp tư nhân...; thí điểm sinh hoạt đảng trực tuyến ở một số đảng bộ, chi bộ đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt; tổ chức sinh hoạt đảng theo tổ đảng đối với một số nội dung phù hợp ở những chi bộ có đông đảng viên; nghiên cứu, triển khai thực hiện "*Sổ tay đảng viên điện tử*", "*Sổ biên bản điện tử*" ở những nơi có đủ điều kiện.

3.1.4. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp uỷ viên cơ sở

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kỹ năng, nghiệp vụ công tác đảng, công tác quần chúng, kinh nghiệm thực tiễn, nhất là công tác dự báo, đánh giá tình hình, khả năng cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị cho đội ngũ cấp uỷ viên, bí thư cấp uỷ cơ sở, bí thư, phó bí thư chi bộ.

- Các cấp uỷ viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng ở đảng bộ, chi bộ nơi mình sinh hoạt; gương mẫu tham gia sinh hoạt đảng và chịu trách nhiệm khi tổ chức đảng nơi mình đang sinh hoạt yếu kém, xảy ra tham nhũng, tiêu cực.

- Quan tâm xây dựng, tạo nguồn cán bộ cơ sở, lựa chọn bí thư chi bộ từ đảng viên ưu tú, có phẩm chất, năng lực tốt, được đảng viên, quần chúng tín nhiệm. Đối với chi bộ ở thôn, tổ dân phố, cần chú trọng lựa chọn đảng viên là cán bộ hưu trí, cựu chiến binh, cựu quân nhân, người làm công tác xã hội có uy tín, năng lực để làm bí thư chi bộ.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đối với cán bộ chuyên trách làm công tác văn phòng cấp uỷ cơ sở; chế độ phụ cấp cho cấp uỷ viên ở những chi bộ có từ 100 đảng viên trở lên và chi bộ có tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ đặc thù còn

gặp nhiều khó khăn; chế độ phụ cấp cho cán bộ đảng, đoàn thể, tổ chức đảng trực thuộc đảng uỷ cơ sở trong các doanh nghiệp tư nhân; kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; mức đóng đảng phí đối với đảng viên là công nhân trong doanh nghiệp, tỉ lệ trích đảng phí để lại chi bộ phù hợp với tình hình mới.

- Thực hiện thống nhất chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân; bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch Uỷ ban nhân dân ở những nơi có điều kiện; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận.

3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

3.2.1. Đổi mới, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên

- Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức, trình độ lý luận chính trị, tự giác nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ động nắm tình hình, diễn biến tư tưởng, kịp thời định hướng cho đảng viên trước những vấn đề phát sinh; tăng cường trách nhiệm của đảng viên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc để làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện, "tự soi", "tự sửa", đề cao danh dự của người đảng viên. Phát huy vai trò của cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác thông tin, tuyên truyền, giới thiệu những tấm gương đảng viên tiêu biểu.

3.2.2. Tăng cường công tác quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng

- Cấp uỷ cơ sở phải làm tốt công tác quản lý đảng viên; thường xuyên kiểm tra chi bộ, đảng viên thực hiện chế độ sinh hoạt đảng, công tác quản lý đảng viên của chi bộ; tăng cường công tác quản lý đảng viên ở ngoài nước.

- Cấp uỷ, chi bộ phải phân công nhiệm vụ cụ thể, tạo điều kiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện của đảng viên. Mỗi đảng viên phải xây dựng kế hoạch phấn đấu, rèn luyện để chi uỷ, chi bộ kiểm tra, giám sát, làm cơ sở để kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cuối năm.

- Đổi mới công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên; phát hiện, động viên, khen thưởng, nhân rộng những tấm gương đảng viên xuất sắc, tiêu biểu trên các lĩnh vực; kịp thời nhắc nhở, giáo dục, giúp đỡ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có khuyết điểm, vi phạm.

- Sửa đổi, bổ sung, quy định chặt chẽ việc sinh hoạt đảng đối với đảng viên nghỉ hưu; xem xét miễn công tác và sinh hoạt đảng đối với đảng viên tuổi cao, sức khoẻ yếu không thể tham gia sinh hoạt đảng, khắc phục tình trạng tùy tiện, buông lỏng quản lý, xem xét không đúng quy định. Rà soát, bổ sung quy định về quản lý đảng viên đi học tập, làm ăn xa nơi cư trú; đảng viên nghỉ hưu về làm việc trong khu vực ngoài nhà nước, các hội quần chúng; đảng viên ở ngoài nước và đảng viên ra nước ngoài nhất là sinh viên, người lao động..., tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên là sinh viên, bộ đội xuất ngũ sinh hoạt đảng. Thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đảng viên bảo đảm đồng bộ, liên thông trong toàn Đảng; hoàn thành cơ sở dữ liệu tổ chức cơ sở đảng, đảng viên.

- Thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Tổ chức cơ sở đảng phải xác định được đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ; đảng viên không thực hiện đúng chế độ chuyển sinh hoạt hoặc đã chuyển sinh hoạt đảng nhưng không nộp hồ sơ cho tổ chức đảng có thẩm quyền; đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước; đảng viên thiếu gương mẫu, uy tín thấp. Khắc phục triệt để tình trạng dễ dãi, nể nang, né tránh trong công tác đánh giá, phân loại đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Nghiên cứu quy định phù hợp việc chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên là sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đảng viên đi làm ăn xa, khắc phục tình trạng đảng viên không nộp hồ sơ khi chuyển sinh hoạt đảng.

3.2.3. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên

- Các cấp uỷ căn cứ tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên của cả nhiệm kỳ, hằng năm và thực hiện có hiệu quả; tạo môi trường thuận lợi để quần chúng phấn đấu, rèn luyện, giác ngộ lý tưởng, có động cơ, mục đích vào Đảng trong sáng. Tiếp tục tăng số lượng đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng phát triển đảng viên; quan tâm phát hiện, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng những đoàn viên, hội viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang; phát triển đảng viên khu vực ngoài nhà nước, trong công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, miền núi, biên giới, hải đảo theo phương châm "Ở đâu có dân thì ở đó có đảng viên" nhằm tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị các cấp trước mắt và lâu dài.

- Đối với các địa phương còn nhiều thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, trường học, doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên, cần tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác để tập hợp quần chúng, tạo nguồn kết nạp đảng viên, xây dựng lực lượng nòng cốt cho

Đảng. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng phân công cấp uỷ viên phụ trách, cấp uỷ cơ sở giao nhiệm vụ cụ thể cho các chi bộ trong việc phát hiện, bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng phấn đấu vào Đảng.

- Đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả theo hướng tập trung vào những vấn đề cơ bản về Đảng, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ, quyền của đảng viên, tính tiên phong, gương mẫu, nhất là xác định đúng đắn động cơ vào Đảng.

3.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Coi trọng tự kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức cơ sở đảng; kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc thực hiện Điều lệ Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ, sinh hoạt chi bộ, thực hiện nhiệm vụ công tác, trách nhiệm nêu gương, quy định về những điều đảng viên không được làm...

- Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của cấp uỷ cấp trên đối với tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cơ sở về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; xử lý kịp thời đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

3.4. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát việc thực hiện quy định nêu gương, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của đảng viên ở nơi làm việc và nơi cư trú; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, từ đó phát hiện, lựa chọn nhân tố tích cực trong đoàn viên, hội viên, quần chúng, người có uy tín trong cộng đồng dân cư để giới thiệu cho Đảng.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, vận động, tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên.

V- ĐỀ ÁN THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO CẤP TỈNH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, thảo luận Tờ trình của Bộ Chính trị, Đề án thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; dự thảo Quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh. Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo

cấp tỉnh và ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh với những nội dung chủ yếu sau:

1. Chức năng: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương thành lập, chịu trách nhiệm trước ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương.

2. Nhiệm vụ: (1) Tham mưu, đề xuất xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại địa phương; chỉ đạo thực hiện kết luận, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương và kết luận, kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. (2) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương và kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện. (3) Chỉ đạo, đôn đốc, điều hoà phối hợp, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương. (4) Chỉ đạo làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tham nhũng, tiêu cực; những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật để kiến nghị, yêu cầu khắc phục, hoàn thiện. (5) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát cấp uỷ, tổ chức đảng và các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, thanh tra, xử lý các vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham nhũng, tiêu cực. (6) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc xử lý khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực và xử lý thông tin, kiến nghị về vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực ở địa phương. (7) Chỉ đạo tuyên truyền, định hướng cung cấp thông tin về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo xử lý vi phạm trong công tác thông tin, tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. (8) Tổ chức sơ kết, tổng kết, định kỳ và đột xuất báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương và kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh. (9) Thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giao.

3. Quyền hạn: (1) Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; về xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. (2) Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo việc kiểm tra, thanh tra, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc; chỉ đạo xem xét lại việc kiểm tra, thanh tra, điều tra, xử lý

các vụ án, vụ việc. (3) Yêu cầu các cơ quan chức năng kết luận, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Trực tiếp chỉ đạo về chủ trương xử lý đối với một số vụ án, vụ việc cụ thể hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền xem xét lại việc giải quyết hoặc giải quyết lại. (4) Kiến nghị hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực hoặc có hành vi cản trở, gây khó khăn đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. (5) Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan chức năng nếu phát hiện vi phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý thì phải kịp thời báo cáo cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để chỉ đạo xử lý hoặc báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương; nếu phát hiện sai phạm có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cơ quan điều tra để xử lý theo thẩm quyền, không chờ đến khi kết thúc mới chuyển. (6) Trực tiếp làm việc với cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan; được sử dụng bộ máy tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và phương tiện của các cơ quan, tổ chức có liên quan để phục vụ nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Tổ chức bộ máy

- Trưởng ban là đồng chí Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ.

- Các Phó Trưởng ban gồm: (1) Phó Bí thư thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ. (2) Trưởng Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ. (3) Trưởng Ban Tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ. (4) Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ. (5) Giám đốc Công an tỉnh, thành phố. Trưởng Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ là Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo.

- Các Uỷ viên là lãnh đạo các cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh, thành phố, gồm: (1) Trưởng Ban Tuyên giáo. (2) Chánh Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ. (3) Chánh án Toà án nhân dân. (4) Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân. (5) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. (6) Giám đốc Sở Tư pháp. (7) Chánh Thanh tra. (8) Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. (9) Phó Trưởng Ban Nội chính.

- Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, gồm: Trưởng ban và các Phó Trưởng ban. Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ làm nhiệm vụ Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

Ngoài các thành phần, cơ cấu nêu trên, trường hợp thật cần thiết phải điều chỉnh về cơ cấu các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh thì Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ báo cáo, xin ý kiến của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương trước khi quyết định.

5. Chế độ làm việc: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh làm việc theo chương trình hằng năm, họp thường kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất khi cần; khi cần thiết, tổ chức hội nghị của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc hội nghị chuyên đề về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ. Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh họp thường kỳ 3 tháng một lần, họp đột xuất khi cần.

6. Quan hệ công tác: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chịu sự chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo Trung ương; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

VII- Theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét và thống nhất cao với Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 4 đến Hội nghị Trung ương 5 và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6 khoá XIII; Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ năm, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra.
